

Bản án số: 120/2018/HNGĐ-ST
Ngày 11 – 6 – 2018
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Văn Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 11 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2018/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Sang T; cư trú tại: Ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị U; cư trú tại: Ấp C, xã T1, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Sang T và chị Trần Thị U tự nguyện chung sống vào ngày 24 tháng 4 năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn mặc dù đã được hòa giải nhưng hàn gắn để quay lại chung sống nhưng không thành nên đã ly thân cách nay 03 năm. Khi về chung sống có 01 người con

chung tên Nguyễn Anh K do chị U đang nuôi dưỡng. Quá trình chung sống không có thiếu nợ ai hoặc ai thiếu nợ lại.

Từ nguyên nhân mâu thuẫn, các đương sự xét thấy không thể quay lại tiếp tục chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được cùng có yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng; thỏa thuận giao Nguyễn Anh K cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra; tự thỏa thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết và cùng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do anh Nguyễn Sang T và chị Trần Thị U có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Sang T và chị Trần Thị U tự nguyện chung sống vào ngày 24 tháng 4 năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn. Khi về chung sống phát sinh mâu thuẫn mặc dù đã được hòa giải nhưng hàn gắn để quay lại chung sống nhưng không thành nên đã ly thân cách nay 03 năm. Từ nguyên nhân trên nên cùng có yêu cầu Tòa án không công nhận các đương sự là vợ chồng.

Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự và căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh T và chị U là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Anh K do chị U đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn anh T và chị U thỏa thuận giao Anh K cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra.

Tại văn bản ghi ý kiến của Nguyễn Anh K thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn có nguyện vọng chung sống cùng với mẹ là chị Trần Thị U để thuận tiện cho việc học tập.

Xét thỏa thuận việc nuôi con giữa các đương sự phù hợp với nguyện vọng của Anh Kiệt và khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình; do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần trên cơ sở xem xét nguyện vọng của Anh K nên giữ nguyên cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị U không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ: Các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Nguyễn Sang T và chị Trần Thị U.

- Về con chung: Giao Nguyễn Anh K cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Anh T phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009893 ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (đã nộp xong).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn